

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 15/5/2020.

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Nhơn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn Minh**

Ông **Lê Văn Nghĩa**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phúc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Lương Thị Trà My** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 804/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bạch P**, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp MH, xã MT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Bị đơn: Anh **Trần Thanh T**, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp VH, xã VK, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn ngày 07 tháng 11 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bạch P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Thanh T chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mâu thuẫn về tiền bạc, kinh tế gia đình, anh T không chăm lo cho vợ con. Chị và

anh T đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên Trần Thanh D, sinh ngày 20/8/2006 và Trần Thanh T1, sinh ngày 03/4/2015, hiện nay cháu D đang sống với chị, cháu T đang sống với anh T. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, giao cháu T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Trần Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị P về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn. Anh có chơi cờ bạc nhưng vẫn chăm lo cho vợ con, gia đình đầy đủ, thời gian sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị P yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý vì chị P không còn thương anh nữa.

- Về con chung: Có 02 con chung đúng như chị P đã trình bày, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả hai con, bởi vì kinh tế của chị P không đủ để nuôi con, chị P phải đi làm từ sáng sớm nên không có thời gian chăm sóc con, dẫn đến con dễ hư hỏng.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành đúng quy định về tố tụng dân sự. Đối với đương sự thì nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị P, cho chị P được ly hôn với anh T, giao cháu Trần Thanh D cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Trần Thanh T1 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng và tài sản chung do các đương sự chưa có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về tố tụng: Đối với bị đơn anh Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ vào điểm b

khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Thanh T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bạch P, xét thấy:

Chị Nguyễn Thị Bạch P và anh Trần Thanh T chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn ngày 11/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, sau khi kết hôn thời gian đầu chị P và anh T chung sống hạnh phúc, đến 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không chăm lo cho gia đình, thường xuyên cò bạc, chị P và anh T đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình phát sinh mâu thuẫn giữa chị P và anh T đã kéo dài, trong khoảng thời gian phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân, chị P và anh T không có giải pháp tháo gỡ những bất đồng, mâu thuẫn nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay chị P yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý, Hội đồng xét xử cho chị P được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị P và anh T có 02 con chung tên Trần Thanh D, sinh ngày 20/8/2006 và Trần Thanh T1, sinh ngày 03/4/2015, hiện cháu D đang sống với chị P, cháu T đang sống với anh T. Tại phiên tòa chị P yêu cầu tiếp tục nuôi cháu D, giao cháu T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu D có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống với chị P, cháu T thì đang do anh T nuôi dưỡng, được anh T chăm sóc tốt, nhằm đảm bảo sự ổn định, không làm xáo trộn cuộc sống của cháu D và cháu T, Hội đồng xét xử cần giao cháu D cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Do chị P, anh T chưa có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bạch P phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bạch P.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bạch P được ly hôn với anh Trần Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thanh D, sinh ngày 20/8/2006 cho chị Nguyễn Thị Bạch P tiếp tục nuôi dưỡng. Giao con chung Trần Thanh T1, sinh ngày 03/4/2015 cho anh Trần Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị Bạch P và anh Trần Thanh T được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bạch P chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị P đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 01590 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang do đó xem như đã nộp xong án phí.

4. Chị Nguyễn Thị Bạch P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Trần Văn Nhơn

